

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chế biến thủy sản và ngân hàng với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm đồng thuận với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

ANV, HDC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, kết hợp trải lệnh mua trading xoay vòng trong các nhịp điều chỉnh trong phiên

03/07/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,276.85	+0.56
VN30	1,305.50	+0.73
HĐTL VN30F1M	1,307.00	+0.91
HNXIndex	241.43	+0.26
HNX30	528.56	+0.33
UPCoM	97.90	+0.33
USD/VND	25,453	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.77	-0
Lãi suất qua đêm (%)	4.42	+12
Dầu (WTI, \$)	83.02	+0.25
Vàng (LME, \$)	2,345.51	+0.69



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,276.85 (+0.56%)
KLGD (triệu CP) 502.0 (+14.4%)
GTGD (triệu US\$) 612.0 (+11.4%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chế biến thủy sản và ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 536.48 tỷ đồng, tập trung tại VRE (-1.84%), VHM (-0.13%), MWG (-0.76%).

HNXIndex 241.43 (+0.26%)
KLGD (triệu CP) 42.7 (-12.8%)
GTGD (triệu US\$) 33.9 (+10.8%)

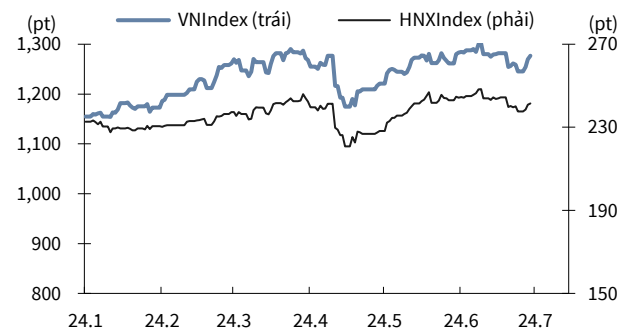
Tình trạng tắc nghẽn tại các cảng biển biển đã lan từ Châu Âu, Mỹ sang khu vực châu Á. Các doanh nghiệp vận tải biển và cảng biển được kỳ vọng hưởng lợi từ xu hướng cước container tăng cao. Cổ phiếu ngành cảng biển tăng giá ở GMD (+0.9%), VOS (+3.8%).

UPCoM 97.90 (+0.33%)
KLGD (triệu CP) 37.8 (-1.3%)
GTGD (triệu US\$) 24.6 (-1.1%)

Giá thép giao tháng 9/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải tăng 6 nhân dân tệ/tấn, hiện ghi nhận ở mức 3,356 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h30 ngày 3/7 (theo giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở TVN (+14.46%), TLH (+2.54%).

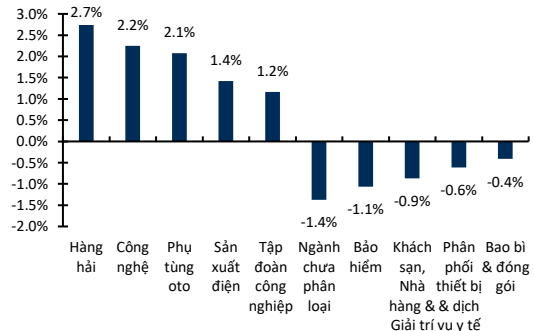
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -20.8

VNIndex & HNXIndex



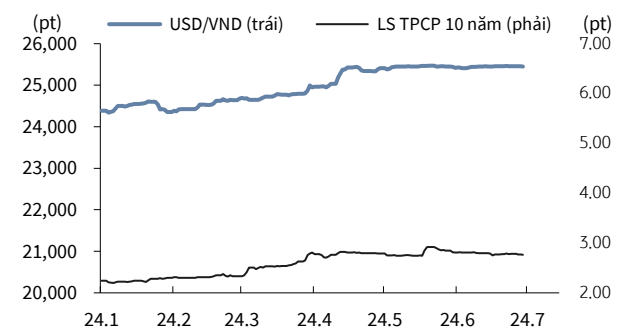
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



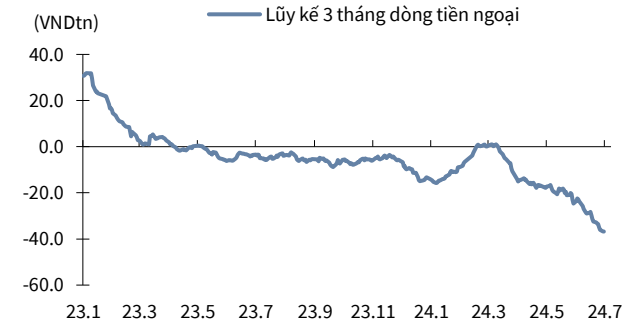
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

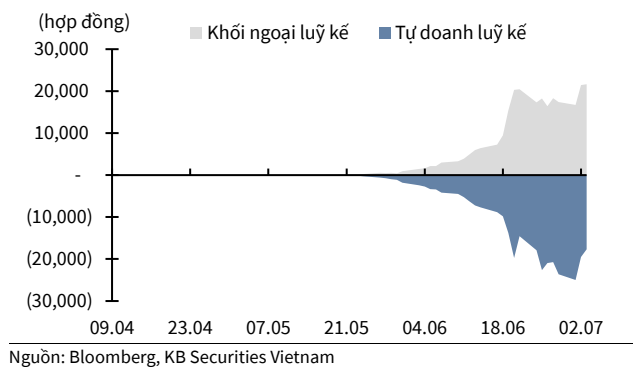
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,305.50 (+0.73%)
VN30F1M	1,307.0 (+0.91%)
Mở cửa	1,297.1
Cao nhất	1,310.0
Thấp nhất	1,294.5
KLGD (HĐ)	179,265 (-21.5%)

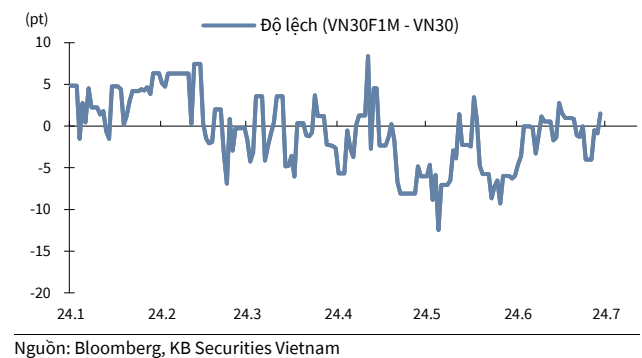
Các HĐTL tăng điểm đồng thuận với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2407 và VN30 mở cửa ở 1.6 điểm, sau đó biến động quanh -2 điểm và đóng cửa tại 1.5 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

Khối ngoại mua ròng 214 HĐTL VN30F2407 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 21,650 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 1,815 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 17,658 hợp đồng.

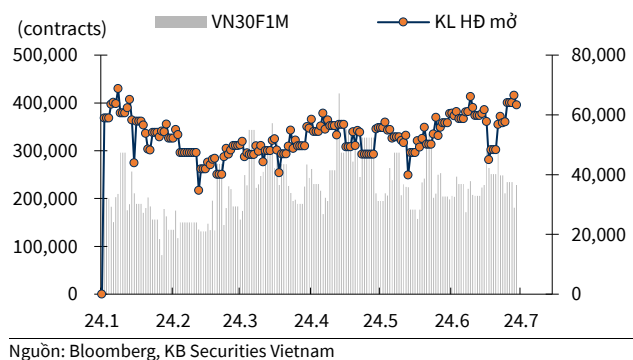
Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



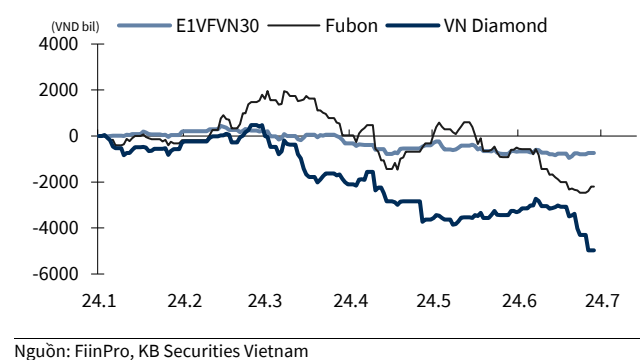
Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

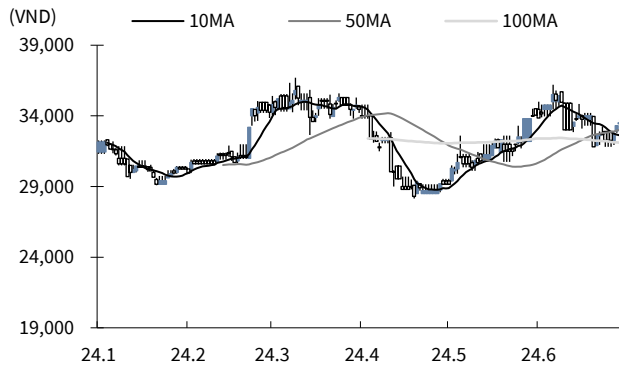


Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Thông tin doanh nghiệp

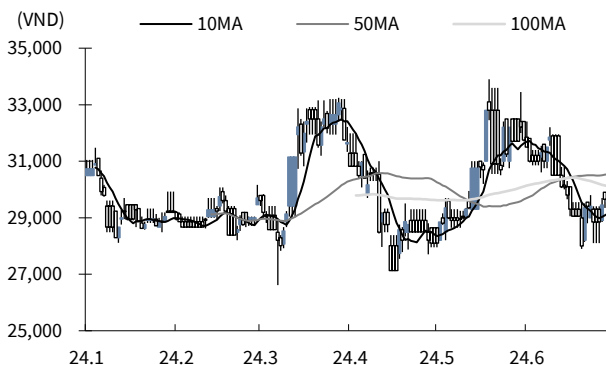
CTCP Nam Việt (ANV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ANV tăng 0.6% lên 33,500 VND/cp
- CTCP Nam Việt ghi nhận tổng doanh thu cá tra xuất khẩu 5 tháng đầu năm đạt 40 triệu USD (khoảng 1,000 tỷ đồng), giảm 17% YoY do giá bán theo USD giảm 14% và sản lượng giảm 4% do thị trường xuất khẩu chính của ANV tại Trung Quốc vẫn gặp nhiều khó khăn khi sức mua còn yếu. Trong năm 2024, ANV đặt tiêu tổng doanh thu 5,000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 360 tỷ đồng, lần lượt tăng 13% và 463% YoY.

CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HDC giảm 0.17% xuống 29,600 VND/cp
- CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu công bố thông tin bất thường về việc thay đổi phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu. Theo kế hoạch ban đầu, HDC dự kiến dùng 300 tỷ đồng để trả nợ gốc và lãi của 4 Ngân hàng, thời gian giải ngân dự kiến từ quý I đến quý III/2024. Tuy nhiên, sau đó HDC lại muốn dùng 63.52 tỷ đồng để trả nợ 3 cá nhân và lùi thời gian giải ngân vốn về quý III/2024.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Chỉ số VNIndex



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

Chi báo	Nhận định xu hướng	Hành động
Xanh đậm	Khả năng tăng điểm cao	Mua mạnh
Xanh nhạt	Khả năng tăng điểm vừa phải	Mua từng phần
Vàng	Xu hướng trung tính	Quan sát
Cam	Khả năng giảm điểm vừa phải	Bán từng phần
Đỏ	Khả năng giảm điểm cao	Bán mạnh

Ngưỡng kỹ thuật

Kháng cự xa: 1320 (+10)

Kháng cự gần: 1290 (+5)

Hỗ trợ gần: 125x

Hỗ trợ xa: 1220 (+10)

Mặc dù áp lực rung lắc có phần gia tăng trong phiên sáng, nhóm cổ phiếu trụ tiếp tục đóng vai trò nâng đỡ, dẫn dắt nhịp hồi phục trong phiên của chỉ số, hình thành mẫu nến rút chân với thanh khoản gia tăng. Tín hiệu lực cầu gia nhập đã trở nên rõ ràng hơn. Do đó, dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, VNIndex nhiều khả năng sẽ duy trì đà hồi phục trước khi gặp áp lực rung lắc lớn trở lại quanh kháng cự gần

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở, kết hợp trải lệnh mua trading xoay vòng trong các nhịp điều chỉnh trong phiên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

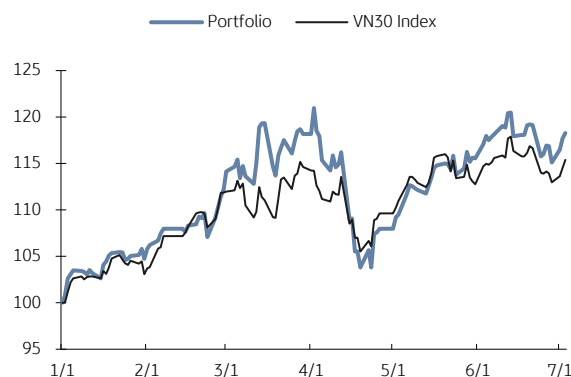
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.73%	0.48%
Tăng lũy kế (YTD)	15.38%	18.28%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/07/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	131,000	2.3%	21.7%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	29,800	0.3%	4.7%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	88,500	0.3%	-9.9%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	03/06/2024	94,600	-0.4%	0.6%	- Thị phần mảng bán lẻ duy trì tăng trưởng nhờ xu hướng hợp nhất ngành - Nhu cầu kỳ vọng cải thiện khi kinh tế phục hồi - Mảng vàng miếng tăng trưởng tốt nhờ giá vàng tăng
Hoa Phat (HPG)	03/06/2024	28,750	0.2%	-0.2%	- KQKD chạm đáy trong 2023 và hồi phục từ 2024 - Lợi nhuận có tín hiệu hồi phục, ngành thép chuẩn bị bước vào chu kỳ tăng giá mới - Dung Quất 2 tạo động lực tăng trưởng cho HPG trong dài hạn
Sacombank (STB)	03/06/2024	29,900	1.0%	6.4%	- STB đã bán thành công khoản nợ liên quan đến khu công nghiệp Phong Phú - Lãi suất huy động của STB vẫn duy trì ở mức thấp - NIM kỳ vọng tiếp tục hồi phục, NPL đi ngang so với cùng kỳ, chất lượng tài sản được kiểm soát tốt
DPM (DPM)	03/06/2024	37,050	1.8%	1.8%	- Nhu cầu trở lại toàn cầu tăng trưởng sẽ hỗ trợ triển vọng tiêu thụ phân bón trong 2024 - Kỳ vọng chi phí đầu vào thuận lợi hơn khi El Nino có dấu hiệu suy yếu đi
Nam Kim (NKG)	03/06/2024	24,800	0.0%	0.2%	- Tiêu thụ được thúc đẩy nhờ động lực chính từ kênh xuất khẩu và nội địa dần hồi phục - Nhà máy Nam Kim Phú Mỹ bắt đầu cho ra sản phẩm từ 1Q2026
PetroVietnam Gas (GAS)	03/06/2024	78,200	0.0%	-3.3%	- Giá dầu thô Brent và dầu FO dự báo đi ngang so với năm 2023, đóng góp vào KQKD 2024 - Dự án LNG tăng khả năng có lợi nhuận trong 2025 nhờ điều chỉnh giá điện
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	65,500	-0.8%	17.0%	- Chuỗi TGDD và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BID	3.2%	17.1%	76.8
HDB	1.7%	17.6%	36.8
VPB	0.3%	26.8%	34.0
MSN	0.3%	30.3%	19.5
SIP	1.9%	1.5%	18.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VRE	-1.8%	25.7%	-414.3
VHM	-0.1%	16.1%	-99.3
MWG	-0.8%	47.4%	-86.9
HPG	0.2%	24.6%	-54.2
DCM	1.2%	8.5%	-18.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.5%	21.0%	24.9
NTP	-0.9%	17.5%	1.5
TVC	0.9%	0.8%	1.1
DHT	7.2%	36.2%	1.0
IDJ	0.0%	0.8%	0.7

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MBS	-0.3%	2.9%	-4.3
IDC	0.3%	24.2%	-3.8
DTD	-1.0%	5.4%	-3.5
SHS	1.7%	9.4%	-2.3
VGS	-0.8%	1.2%	-1.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	6.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Bảo hiểm	3.6%	BVH, MIG, BIC, BMI
Ngân hàng	3.5%	VCB, BID, VPB, TCB
Bán lẻ hàng chuyên dụng	2.5%	MWG, FRT, CTF, HAX
Đồ uống	2.2%	SAB, BHN, SMB, SCD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chưa phân loại	-22.9%	CKG, PSH, NHH, ABS
Tiện ích điện	-4.4%	PGV, NT2, PPC, TTA
Phụ tùng oto	-3.9%	DRC, CSM, PAC, TNC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.2%	TNH, JVC, VMD
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-2.2%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	16.7%	TNH, JVC, VMD
Công nghệ	11.6%	FPT, CMG, ELC
Cung cấp và dịch vụ thương mại	7.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Hàng hải	7.1%	VSC, VOS, SKG, VTO
Sản xuất điện	6.6%	POW, VSH, GEG, TMP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chưa phân loại	-29.9%	CKG, PSH, NHH, ABS
Sản phẩm xây dựng	-5.1%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dược	-4.1%	DHG, IMP, TRA, DBD
Chứng khoán	-3.7%	SSI, VND, HCM, VCI
Tiện ích khí	-2.4%	GAS, PGD, PMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							23E	24E	23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	86,402 (3.4)	22.5	46.8	-	14.7	2.9	-2.5	-	-	-0.6	0.4	-5.9	-7.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	272,113 (10.7)	26.6	5.3	4.7	35.9	16.2	15.8	0.8	0.7	-0.1	1.6	-3.1	-11.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	228,917 (9.0)	17.8	11.9	10.4	-7.6	10.7	10.7	1.2	1.1	-1.8	2.4	-4.5	-8.6
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	151,184 (5.9)	31.3	-	-	6.7	-	-	0.7	0.8	0.4	1.5	-9.7	-20.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	118,973 (4.7)	11.6	35.3	31.7	13.7	6.5	7.4	2.0	1.9	-0.1	2.3	-0.4	20.5
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	87,938 (3.5)	13.9	68.8	40.9	-	2.1	2.5	1.1	1.1	-1.2	0.6	-7.3	-17.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	167,275 (6.6)	6.3	14.8	12.7	11.7	19.2	18.2	2.5	2.0	0.3	3.9	0.3	10.2
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	101,992 (4.0)	12.7	12.4	10.6	-5.3	18.8	19.6	1.9	1.6	3.2	6.1	-0.2	8.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	19,450	136,341 (5,925)	459,232 (18.0)	0.0	6.8	5.6	14.3	16.3	17.7	1.1	0.8	2.6	-2.1	-0.3	47.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	242,881 (9.5)	1.4	8.4	6.3	50.3	16.7	18.8	1.2	1.0	0.2	3.4	-0.8	19.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	571,102 (22.4)	0.0	10.3	7.9	18.8	11.2	12.9	1.1	1.0	0.3	0.0	3.8	-1.0
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	326,372 (12.8)	0.0	5.7	4.9	14.6	22.1	22.2	1.1	1.0	0.9	1.8	1.3	22.8
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	176,763 (6.9)	4.2	6.1	5.4	23.3	24.8	20.3	1.3	1.0	1.7	7.9	2.1	20.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	442,391 (17.4)	14.0	6.3	4.6	26.5	19.2	20.7	1.0	0.8	1.0	1.4	0.5	7.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	151,309 (5.9)	0.0	4.9	3.9	37.4	15.7	17.2	1.0	0.9	0.6	0.0	-2.8	0.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	139,043 (5.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-	1.6	5.2	-3.0	4.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	42,990 (1.7)	21.0	20.4	16.9	15.8	7.8	9.0	-	-	-1.3	5.0	3.6	19.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	12,084 (0.5)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.4	1.2	-3.4	20.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	442,297 (17.4)	55.4	19.6	16.6	-3.2	11.9	13.6	2.2	2.2	0.3	0.1	-2.7	5.0
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	221,821 (8.7)	71.9	26.0	24.9	-4.0	12.7	10.5	2.2	2.4	0.1	1.9	-2.7	10.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	214,808 (8.4)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	0.7	2.4	-7.5	14.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,134	5,734 (249)	210,999 (8.3)	27.2	11.9	11.7	36.3	11.7	10.8	1.4	1.2	0.0	-3.0	-10.7	-17.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,905 (9,900)	255,008 (10.0)	42.1	16.0	14.9	4.0	28.3	29.5	4.3	4.2	0.0	1.5	0.2	-2.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	95,888 (3.8)	36.9	18.5	17.5	7.3	17.9	18.7	3.2	3.2	0.5	2.5	3.5	-2.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	405,092 (15.9)	16.5	62.5	29.8	-51.9	7.3	12.2	3.6	3.2	0.3	3.4	-1.5	14.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	21,430 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-2.4	12.7	6.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	100,483 (3.9)	11.0	30.6	22.1	-88.5	10.5	14.2	3.2	2.8	0.2	-0.4	-6.9	-6.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	135,942 (5.3)	10.8	20.6	20.3	-57.0	14.1	12.8	2.4	2.2	0.9	-2.1	-1.3	16.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	75,926 (3.0)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	0.0	-0.6	-10.6	-7.2
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	85,303 (3.4)	48.0	33.9	27.7	26.2	28.3	30.5	7.8	6.5	0.5	-3.5	7.8	57.3
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	313,194 (12.3)	37.7	20.8	19.1	-14.4	7.7	5.2	1.4	-	0.2	1.3	-5.3	-4.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	101,978 (4.0)	3.6	21.5	13.7	-52.4	3.4	4.7	0.9	0.8	0.0	-1.2	-1.2	4.9
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	56,012 (2.2)	0.0	10.6	9.3	-4.5	10.6	10.5	1.3	1.4	1.3	0.0	1.6	29.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							23E	24E		23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	97,803 (3.8)	46.1	16.2	15.3	-17.5	16.6	16.4	2.6	2.5	0.0	2.2	-2.7	3.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	17,514 (0.7)	31.4	-	24.6	vnc1	2.0	5.1	1.6	1.6	0.0	0.0	-6.8	-10.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	17,997 (0.7)	34.1	8.5	8.1	-5.1	13.3	13.5	0.9	0.9	0.6	-7.4	-5.2	5.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	642,272 (25.2)	18.0	15.0	10.3	21.9	11.4	13.9	1.6	1.4	0.2	-0.5	-0.9	13.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	168,974 (6.6)	36.5	19.1	14.0	-0.5	6.4	8.8	1.3	1.2	1.8	0.7	-3.8	11.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	208,043 (8.2)	46.5	11.4	10.7	-4.5	15.1	17.5	1.9	1.8	1.2	1.9	-3.6	15.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	403,258 (15.8)	38.9	18.3	13.3	67.9	9.1	10.1	1.4	1.3	0.2	-0.6	11.4	9.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	64,370 (2.5)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.8	0.0	-3.4	21.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	76,553 (3.0)	4.6	16.1	14.9	-51.0	12.0	12.2	1.9	1.8	1.2	-1.3	0.8	21.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	119,979 (4.7)	39.9	17.5	11.4	-11.9	6.1	9.6	1.1	1.1	0.8	0.8	-7.1	6.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	133,013 (5.2)	35.9	9.6	8.4	2.2	13.2	13.5	1.3	1.2	0.8	1.7	-2.0	24.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	516,220 (20.3)	0.0	29.0	20.4	14.4	14.5	16.8	3.7	3.2	-0.8	4.6	2.3	53.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	96,915 (3.8)	0.0	14.9	12.6	2.4	21.1	21.2	2.9	2.5	-0.4	-1.6	1.1	10.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	13,669 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.1	-3.5	-0.1	-23.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	104,859 (4.1)	30.3	117.3	49.2	-75.2	11.9	23.1	13.7	11.2	0.6	-0.6	4.9	67.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	20,443 (0.8)	34.6	12.3	8.4	41.2	15.4	21.4	2.5	2.3	1.3	2.0	-2.1	24.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,332 (0.1)	45.4	-	-	10.7	19.2	21.0	3.1	3.1	0.1	0.4	-6.4	9.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	42,848	61,301 (2,664)	1,004,002 (39.5)	0.0	25.3	20.7	15.5	28.4	29.0	5.7	4.7	2.3	-0.6	10.0	56.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienns@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành**(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.